

<ul style="list-style-type: none"> - GV: (Treo bảng số), hỏi: Nếu An câu đc 2 con cá, Bình câu đc 3 con cá, Cường câu đc 4 con cá thì 3 bạn câu đc bn con cá? - GV: Nghe HS trả lời & viết 2 vào cột <i>Số cá của An</i>, viết 3 vào cột <i>số cá của Bình</i>, viết 4 vào cột <i>Số cá của Cường</i>, viết $2+3+4$ vào cột <i>Số cá cả ba người</i>. - GV: Làm tương tự với các tr/h còn lại. - Nếu vđề: Nếu An câu đc a con cá, Bình câu đc b con cá, Cường câu đc c con cá thì cả ba người câu đc bn con cá? - GV ghiêm: $a+b+c$ đc gọi là b/thức có chứa 3 chữ. - Y/c HS xét để thấy b/thức có chứa 3 chữ gồm có dấu tính & 3 chữ, có thể có hoặc khg có phần số. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả ba bạn câu đc: $2+3+4$ con cá. - HS: Nếu tổng số cá của cả ba người trg mỗi tr/h để có bảng nd. - Cả ba người câu đc: $a+b+c$ con cá.
<p>b/ Giá trị của biểu thức chứa ba chữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi & viết: Nếu $a=2$ & $b=3$ & $c=4$ thì $a+b+c=?$ - GV: Khi đó ta nói 9 là 1 giá trị của biểu thức $a+b+c$. - GV: Làm tương tự với các tr/h còn lại. - Hỏi: Khi biết giá trị cụ thể của a, b & c, muốn tính giá trị của b/thức $a+b+c$, ta làm ntn? - Mỗi lần thay chữ a, b & c bằng các số ta tính đc gì <p>*Luyện tập-thực hành:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu $a=2$, $b=2$ & $c=4$ thì $a+b+c=2+3+4=9$ - Tìm giá trị của b/thức $a+b+c$ trg từng tr/h. - Ta thay giá trị của a, b & c vào b/thức rồi th/h tính giá trị của b/thức. - Ta tính đc 1 giá trị của b/thức $a+b+c$.
<p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - BT y/c cta làm gì? - Y/c HS đọc biểu thức & làm bài. - Hỏi: + Nếu $a=5$, $b=7$ & $c=10$, thì giá trị của b/thức $a+b+c$ là bn? + Nếu $a=12$, $b=15$ & $c=9$ thì giá trị của b/thức $a+b+c$ là bn? - GV: Xét HS. <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS đọc đề, sau đó tự làm bài. - Hỏi: + Mọi số nhân với 0 đều bằng gì? + Mỗi lần thay các chữ a, b & c bằng các số ta tính đc gì? - GV: Hướng dẫn HS sửa bài. <p>3) Củng cố-dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Tổng kết giờ học, dặn HS \triangle làm BT & CBB. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Nếu y/c của BT. - $a+b+c$. - HS: TLCH. - 3HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS: đều bằng 0. - Tính đc 1 giá trị của b/thức $axbxc$.

Toán
TÍNH CHẤT KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG

I. MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Biết tính chất kết hợp của phép cộng.

- Bước đầu sử dụng được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng trong thực hành tính.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: Bảng phụ ghi sẵn:

a	b	c	(a + b) + c	a + (b + c)
5	4	6		
35	15	20		
28	49	51		

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH																				
1) KTBC: <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 2HS lên sửa BT lặp thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. 																				
2) Dạy-học bài mới: <ul style="list-style-type: none"> *Ghiệu: GV nêu mtiêu giờ học & ghi bảng để bài. *Ghiệu t/chất kết hợp của phép cộng: - GV: Treo Bp, y/c HS th/h tính gtrị biểu thức $(a+b)+c$ & $a+(b+c)$ để điền kqua vào bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Nhắc lại để bài. - HS: Đọc bảng số. - 3HS lên th/h tính để hoàn thành bảng. 																				
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>a</th><th>b</th><th>c</th><th>$(a + b) + c$</th><th>$a + (b + c)$</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>5</td><td>4</td><td>6</td><td>$(5 + 4) + 6 = 9 + 6 = 15$</td><td>$5 + (4 + 6) = 5 + 10 = 15$</td></tr> <tr> <td>35</td><td>15</td><td>20</td><td>$(35 + 15) + 20 = 50 + 20 = 70$</td><td>$35 + (15 + 20) = 35 + 35 = 70$</td></tr> <tr> <td>28</td><td>49</td><td>51</td><td>$(28 + 49) + 51 = 77 + 51 = 128$</td><td>$28 + (49 + 51) = 28 + 100 = 128$</td></tr> </tbody> </table>	a	b	c	$(a + b) + c$	$a + (b + c)$	5	4	6	$(5 + 4) + 6 = 9 + 6 = 15$	$5 + (4 + 6) = 5 + 10 = 15$	35	15	20	$(35 + 15) + 20 = 50 + 20 = 70$	$35 + (15 + 20) = 35 + 35 = 70$	28	49	51	$(28 + 49) + 51 = 77 + 51 = 128$	$28 + (49 + 51) = 28 + 100 = 128$	
a	b	c	$(a + b) + c$	$a + (b + c)$																	
5	4	6	$(5 + 4) + 6 = 9 + 6 = 15$	$5 + (4 + 6) = 5 + 10 = 15$																	
35	15	20	$(35 + 15) + 20 = 50 + 20 = 70$	$35 + (15 + 20) = 35 + 35 = 70$																	
28	49	51	$(28 + 49) + 51 = 77 + 51 = 128$	$28 + (49 + 51) = 28 + 100 = 128$																	
<ul style="list-style-type: none"> - Y/c: Hãy so sánh gtrị của b/thức $(a+b)+c$ với gtrị của b/thức $a+(b+c)$ khi $a=5$, $b=4$ & $c=6$? - Th/h tg tự với các cột còn lại. - Vậy khi ta thay chữ bằng số thì gtrị của b/thức $(a+b)+c$ luôn ntn so với gtrị của b/thức $a+(b+c)$? - GV: Ta có thể viết: $(a+b)+c = a+(b+c)$. - GV: Vừa chỉ vừa nêu: <ul style="list-style-type: none"> + $(a+b)$ đc gọi là một tổng hai số hạng, biểu thức $(a+b)+c$ có dạng là một tổng hai số hạng cộng với số thứ ba, số thứ ba ở đây là c. + Xé b/thức $a+(b+c)$ thf ta thấy a là số thứ nhất của tổng $(a+b)$, còn $(b+c)$ là tổng của số thứ hai & số thứ ba trg b/thức $a+(b+c)$. + Vậy khi th/h cộng 1 tổng hai số với số thứ 3 ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ 2 & thứ 3. - GV: Y/c HS nhắc lại kluận. <p>*Luyện tập-thực hành:</p> <p>Bài 1a (dòng 2,3) ; 1b (dòng 1,3):</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS đọc đề. - GV: Viết: a) $4367 + 199 + 501$; $4400 + 2148 + 252$ 	<ul style="list-style-type: none"> - Đều bằng 15.. - HS: TLCH. - Luôn bằng nhau. - HS: Đọc $(a+b)+c = a+(b+c)$. - HS: Đọc kluận. - HS: Đọc đê bài. 																				

<p>b) $921 + 898 + 2079$; $467 + 999 + 9533$</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS th/h tính gtrị của b/thức bằng cách thuận tiện nhất. - Hỏi: Vì sao cách làm này thuận tiện hơn so với vc th/h các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải? - GV: Áp dụng t/chất k/hợp của phép cộng khi cộng nhiều số hạng với nhau ta nên chọn các số hạng cộng với nhau có kqua là các số tròn chục, trăm, nghìn... để vc tính toán dc thuận tiện hơn. - GV: Nxét HS. <p>Bài 2: - GV: Y/c HS đọc đê bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: Muốn biết cả 3 ngày nhận dc bn tiền làm ntn - GV: Y/c HS làm bài. - GV: nxét HS. <p>3) Củng cố-dẫn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: Củng cố bài. - GV:Tổng kết giờ học, dẫn HS \triangle làm BT & CBB. 	<ul style="list-style-type: none"> - 4HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS: Gthíc. . <ul style="list-style-type: none"> - HS: Đọc y/c. - HS: Th/h tính tổng số tiền của cả 3 ngày với nhau. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.
--	--

Tuần 8 - Tiết 1

Toán : LUYỆN TẬP

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Tính được tổng của 3 số, vận dụng một số tính chất để tính tổng 3 số bằng cách thuận tiện nhất.

II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC: Bp kẻ sẵn bảng số trg BT 4-VBT.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 3HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét HS. <p>2) Day-học bài mới:</p> <p>*Luyện tập-thực hành:</p> <p>Bài 1b: - Hỏi: + BT y/c cta làm gì? + Khi đặt tính để th/h tính tổng của nhiều số hạng ta phải chú ý điều gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/c HS làm bài: $26387 + 14075 + 9210$ $54293 + 61934 + 7652$ - Y/c HS nxét bài làm của bạn trên bảng. - GV: Nxét HS. <p>Bài 2 (dòng 1,2): - Hãy nêu y/c của BT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Hdẫn: Để tính bằng cách thuận tiện ta áp dụng t/chất g/hoán & k/hợp của phép cộng. khi tính, ta có thể đổi chỗ các số hạng của tổng cho nhau & th/h cộng các số hạng cho kqua là các số tròn với nhau. - GV có thể làm mâu 1 b/thức sau đó y/c HS làm bài. Vd: $96+78+4 = (96+4)+78 = 100+78 = 178$. - Y/c HS làm bài: 1a) $67 + 21 + 79$ 	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. <ul style="list-style-type: none"> - HS: Nhắc lại đê bài. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm nháp. - 2HS nxét. - HS: Trả lời. - HS làm bài: $26387 + 14075 + 9210 = 49672$ $54293 + 61934 + 7652 = 123879$ <ul style="list-style-type: none"> - HS: Th/h tính $7580 - 2416$ để thử lại. – 3HS lên bảng làm: tính & thử lại kqua. Cả lớp làm VBT. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm nháp. - HS: Nxét & trả lời. - Y/c HS làm bài: 1a) $67 + 21 + 79 = 67 + (21 + 79) = 67 + 100$

<p>1b) $789 + 285 + 15$ $448 + 594 + 52$ - GV: Nxét HS.</p> <p>Bài 4a: - Y/c HS đọc đề bài. - Hỏi tìm hiểu đề. - GV: Y/c HS tự làm bài. - GV: Nxét HS.</p> <p>3) Cung cỡ-dẫn dò: - GV: T/kết giờ học, dẫn : \triangle Làm BT & CBB sau.</p>	$= 167$ <p>1b) $789 + 285 + 15 = 789 + (285 + 15)$ $= 789 + 300 = 1089$ $448 + 594 + 52 = (448 + 52) + 594$ $= 500 + 594 = 1094$</p> <p>- HS: Đọc đề. - HS: TLCH tìm hiểu & làm vào VBT, 1HS lên bảng làm: a) Sau 2 năm số dân của xã đó tăng thêm: $79 + 71 = 150$ (người)</p>
--	---

Tuần 8 - Tiết 2

Toán TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Biết cách tìm hai số khi biết tổng & hiệu của hai số đó.
- Bước đầu biết giải bài toán liên quan đến tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

II.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) KTBC: - GV: Gọi 3HS lên sửa BT lặp thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét HS.</p> <p>2) Dạy-học bài mới: *Ghiệu: Hôm nay các em sẽ dc làm quen với bài toán về tìm 2 số khi biết tổng và hiệu của hai số đó. *Hdẫn tìm 2 số khi biết tổng & hiệu của 2 số đó: a) <i>Ghiệu bài toán :</i> - Y/c: HS đọc bài toán vdụ SGK. - Hỏi: + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? - GV nêu: Vì bài toán cho biết <i>tổng & hiệu</i> của hai số, y/c ta <i>tìm hai số</i> nên dạng toán này dc gọi là bài toán <i>tìm hai số khi biết tổng & hiệu của hai số</i>. b) <i>Hdẫn HS vẽ sơ đồ bài toán:</i> - GV: Y/c HS vẽ sơ đồ bài toán theo hdẫn: + Vẽ đoạn thẳng b/diễn số lớn / bé. + B/diễn tổng & hiệu của 2 số trên SD.</p>	<p>- 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn.</p> <p>- HS: Nhắc lại đề bài.</p> <p>- 2HS: Đọc. - Tổng của 2 số là 70, hiệu của 2 số là 10. - Tìm 2 số. - Là 1 phút.</p> <p>- Vẽ SD bài toán theo hdẫn. - 2HS lên bảng th/h y/c.</p>
<p><i>Tóm tắt:</i></p>	

<p>c) Hdẫn giải bài toán (Cách I): - GV: Y/c HS qsát kĩ SD bài toán & suy nghĩ cách tìm hai lần số bé. - Kh/định: + (dùng phấn màu gạch chéo phần hơn của</p>	<p>- HS: Suy nghĩ phát biểu ý kiến. - Thị số lớn bằng số bé.</p>
--	---

<p>số lớn so với số bé) Nếu bớt đi phần hơn của số lớn so với số bé thì số lớn ntn so với số bé?</p> <p>+ Trên SD còn lại 2 đoạn thẳng b/diễn 2 số bằng nhau & mỗi đoạn thẳng là 1 lần của số bé, vậy ta còn lại 2 lần của số bé.</p> <p>+ Phần hơn of số lớn so với số bé chính là gì of 2 số</p> <p>+ Khi bớt đi phần hơn của số lớn so với số bé thì tổng của chúng th/đổi ntn?</p> <p>+ Tổng mới là bn?</p> <p>+ Tổng mới lại chính là 2 lần của số bé, vậy ta có 2 lần của số bé là bn?</p> <p>+ Hãy tìm số bé? + Hãy tìm số lớn?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS tr/b bài giải& đọc lại lời giải đúng. - GV: Y/c HS nêu cách tìm số bé. - GV: Ghi cách tìm số bé lên bảng. <p>d) <i>Hdẫn giải bài toán (Cách 2):</i> (Hdẫn tg tự cách 1)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Ghi cách tìm số lớn lên bảng. - KLvề cách tìm 2 số khi biết tổng & hiệu of 2 số đó <p>*Hdẫn thực hành:</p> <p>Bài 1: - Y/c HS đọc đê.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? + Bài toán thuộc dạng toán gì? Vì sao em biết? - GV: Y/c HS làm BT. - GV y/c HS nxét bài của bạn, GV nxét HS <p>Bài 2: - GV: Y/c HS đọc đê & hdẫn tg tự BT1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/c: HS làm bài & sửa bài. GV nxét HS. <p>3) Củng cố-dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: Cách tìm 2 số biết tổng & hiệu của 2 số đó. - GV: T/kết giờ học, dặn : △ Làm BT & CBB sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Là hiệu của 2 số. - Tổng của chúng giảm đi đúng bằng phần hơn của số lớn so với số bé. - Tổng mới là: $70 - 10 = 60$. - Hai lần của số bé là: $70 - 10 = 60$. - Số bé là: $60 : 2 = 30$ - Số lớn là: $30+10 = 40$ (hoặc $70 - 30=40$) - HS: Đọc lại, 1 HS lên bảng làm, cả lớp làm nháp. - Số bé = (Tổng - Hiệu) : 2 - HS: Làm bài & sửa bài. <p>- Số lớn = (Tổng + Hiệu) : 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đê: + Tuổi bố cộng với tuổi con 58 tuổi, tuổi bố hơn tuổi con 38 tuổi. + Bài toán hỏi tuổi của mỗi người. + Dạng toán tìm 2 số biết tổng & hiệu của 2 số đó... - 2HS lên làm: 1em 1cách, lớp làm VBT. - HS: Th/h theo y/c. - HS: TLCH củng cố.
--	--

Tuần 8 – Tiết 3

Tôán : LUYỆN TẬP

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Biết giải bài toán liên quan đến tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

II.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 3HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét HS. <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: Ltập về giải bài toán tìm hai số khi biết tổng & hiệu của 2 số đó.</p> <p>*Luyện tập-thực hành:</p> <p>Bài 1a,b: - Y/c HS đọc đê bài, sau đó tự làm bài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. <p>- HS: Nhắc lại đê bài.</p> <p>- 3HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p>

<p>- GV: Nxét HS.</p> <p>- Y/c HS: Nêu lại cách tìm số lớn, số bé trg bài toán tìm 2 số khi biết tổng & hiệu của 2 số đó.</p> <p>Bài 2: - GV: Gọi HS đọc đề toán, nêu dạng toán & tự làm bài.</p>	<p>Vd: a) Số lớn là: $(24+6):2 = 15$ Số bé là: $15 - 6 = 9$</p> <p>- HS: Nêu theo y/c.</p> <p>- 2HS lên làm 1em 1cách, cả lớp là VBT.</p>
<p>Tóm tắt:</p>	
<p>Bài giải:</p> <p>Tuổi của chị là: $(36 + 8) : 2 = 22$ (tuổi)</p> <p>Tuổi của em là: $22 - 8 = 14$ (tuổi)</p> <p>Đáp số: chị 22 tuổi, em 14 tuổi</p>	<p>Bài giải:</p> <p>Tuổi của em là: $(36 - 8) : 2 = 14$ (tuổi)</p> <p>Tuổi của chị là: $14 + 8 = 22$ (tuổi)</p> <p>Đáp số: chị 22 tuổi, em 14 tuổi</p>
<p>- GV: Nxét HS.</p> <p>Bài 4: - Y/c HS đọc đề bài, tự làm bài, sau đó đổi chéo vở ktra nhau.</p> <p>- GV: Đi ktra vở của 1 số HS.</p>	<p>- 2HS lên làm 1em 1cách, cả lớp là VBT.</p> <p>- HS: Tóm tắt & giải vào vở, sau đó đổi chéo ktra nhau.</p>
<p>3) Củng cố-dặn dò:</p> <p>- GV: T/kết giờ học, dặn: \triangle Làm BT & CBB sau.</p>	

Tuần 8 – Tiết 4

Toán : LUYỆN TẬP CHUNG

I.MỤC TIÊU: Giúp HS củng cố về:

- Có kỹ năng thực hiện phép cộng, phép trừ ; vận dụng một số tính chất của phép cộng khi tính giá trị của biểu thức số.
- Giải được bài toán liên quan đến tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

II.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) KTBC:</p> <p>- GV: Gọi 3HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</p> <p>- GV: Sửa bài, nxét HS.</p> <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: GV: Nêu mtiêu giờ học.</p> <p>*Hđán luyện tập:</p> <p>Bài 1a: - Y/c HS nêu lại cách thử lại phép cộng & phép trừ: Muốn biết 1 phép tính cộng / trừ làm đúng hay sai ta làm thế nào?</p> <p>- GV: Y/c HS làm bài tập a.</p> <p>- GV: Y/c HS nxét bài làm của bạn trên bảng, sau đó nxét HS.</p> <p>Bài 2 (dòng 1):</p> <p>- Hỏi: BT y/c ta làm gì?</p> <p>- GV: lưu ý HS thứ tự th/h các phép tính trg b/thức.</p>	<p>- 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn.</p> <p>- HS: Nhắc lại đề bài.</p> <p>- 3HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p> <p>Vd: a) Số lớn là: $(24+6):2 = 15$ Số bé là: $15 - 6 = 9$</p> <p>- HS: Nêu theo y/c.</p> <p>- 2HS lên làm 1em 1cách, cả lớp làm VBT</p> <p>- HS: Nêu theo y/c.</p> <p>- 2HS lên làm, cả lớp làm VBT.</p>

$$a) 570 - 225 - 167 + 67 = 345 - 167 + 67 = 178 + 67 = 245$$

$$b) 468 : 6 + 61 \times 2 = 78 + 122 = 200$$

- GV: Nxét & cho điểm HS.

Bài 3: - Viết b/thức: $98+3+97+2$ & y/c HS cùng tính gtrị b/thức này theo cách thuận tiện nhất.

- GV hdẫn HS: Ta có thể tính gtrị của các b/thức (chỉ có phép cộng) theo cách thuận tiện bằng cách đổi chỗ các số hạng của tổng và nhóm các số hạng có kqua là số tròn để cộng với nhau.

- GV: Y/c HS làm tiếp BT

- GV: Nxét HS.

- Hỏi: Dựa vào t/chất nào mà ta có thể th/h đc vc tính gtrị của các b/thức trên theo cách thuận tiện nhất?

- Y/c HS: Phát biểu quy tắc của 2 t/chất trên.

Bài 4: - GV: Y/c HS đọc đề bài.

- Hỏi: Bài toán thuộc dạng toán gì?

- GV: Y/c HS làm bài.

- 1HS lên làm, cả lớp là VBT:

$$\begin{aligned} 98+3+97+2 &= (98+2)+(97+3) \\ &= 100+100=200 \end{aligned}$$

- 3HS lên làm tiếp, mỗi HS 1 b/thức, cả lớp làm VBT.

- Dựa vào t/chất g/hoán & k/hợp của phép cộng.

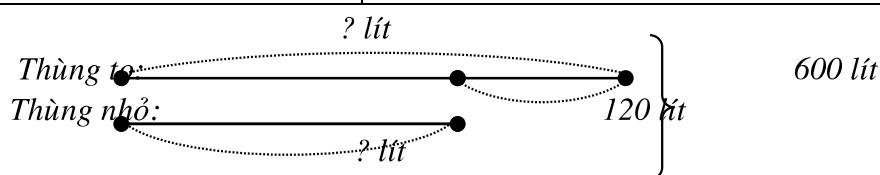
- 2HS phát biểu t/chất.

- HS: Đọc đề.

- Tìm 2 số biết tổng & hiệu của 2 số đó.

- 2HS lên làm: 1em 1cách, cả lớp làm VBT.

Tóm tắt:



Bài giải:

Số lít nước chứa trg thùng to là:

$$(600 + 120) : 2 = 360 (l)$$

Số lít nước chứa trg thùng to là:

$$360 - 120 = 240 (l)$$

Đáp số: $360l; 240l$

Bài giải:

Số lít nước chứa trg thùng nhỏ là:

$$(600 - 120) : 2 = 240 (l)$$

Số lít nước chứa trg thùng nhỏ là:

$$240 + 120 = 360 (l)$$

Đáp số: $360l; 240l$

- Y/c HS: Nêu cách tìm số lớn, số bé trg bài toán tìm hai số biết tổng & hiệu của hai số đó.

- GV: Nxét HS.

3) Củng cố-dặn dò:

- GV: T/kết giờ học, dặn: \triangle Làm BT & CBB sau.

Tuần 8 – Tiết 5

Toán : GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BẸT

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Nhận biết được góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt. (Bằng trực giác hoặc sử dụng ê-ke)

II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC: - Thước thẳng, ê-ke (dùng cho GV & HS).

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 3HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét HS. <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: - Hỏi: Cta đã đc học gốc gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trg giờ học này ta sẽ làm quen với góc nhọn, góc tù, góc bẹt. <p>*Ghiệu gốc nhọn, gốc tù, gốc bẹt:</p> <p>a) Ghiệu gốc nhọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Vẽ gốc nhọn AOB (như SGK). - Y/c: Đọc tên gốc, tên đỉnh & các cạnh of gốc này. - GV ghiệu: Góc này là gốc nhọn. - GV: Hãy dùng ê-ke để ktra độ lớn của gốc nhọn AOB & cho biết gốc này lớn hơn hay bé hơn gốc vuông? - Nêu: Góc nhọn $<$ gốc vuông. - Y/c HS vẽ 1 gốc nhọn (lưu ý sử dụng ê-ke để vẽ) <p>b) Ghiệu gốc tù:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Vẽ gốc nhọn MON (như SGK) & th/h tg tự như ghiệu gốc nhọn. - GV: Vẽ gốc bẹt COD (như SGK) & y/c HS đọc tên gốc, tên đỉnh, tên các cạnh của gốc. - GV vừa vẽ hình vừa nêu: Tăng dần độ lớn của gốc COD, đến khi 2 cạnh OC & OD của gốc COD “thẳng hàng” (cùng nằm trên 1 đường thẳng) với nhau. Lúc đó COD đc gọi là gốc bẹt. <p>- Hỏi: Các điểm C, O, D của gốc bẹt COD ntn với nhau?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/c HS sử dụng ê-ke để ktra độ lớn của gốc bẹt so với gốc vuông. - Y/c HS vẽ & gọi tên 1 gốc bẹt. <p>*Hđản thực hành:</p> <p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/c HS qsát các gốc trg SGK và đọc tên các gốc, nêu rõ gốc đó là gốc nhọn, gốc vuông, gốc tù hay gốc bẹt? - GV: Nxét, có thể vẽ thêm hình khác để HS phát 	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. <p>- Góc vuông</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS: Nhắc lại đề bài. <p>- HS: Qsát hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góc AOB: đỉnh O, 2 cạnh OA & OB. - HS nêu: Góc nhọn AOB. - 1HS lên ktra: Góc nhọn AOB $<$ gốc vuông. <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ vào nháp. <p>- Góc tù MON $>$ gốc vuông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góc bẹt COD: đỉnh O, 2 cạnh OC & OD. - HS: Qsat theo dõi thao tác của GV: <ul style="list-style-type: none"> - 2 điểm C, O, D thẳng hàng với nhau. - Góc bẹt bằng 2 góc vuông. - 1HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ vào nháp. <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời trc lớp về các gốc.

<p>biểu.</p> <p>Bài 2 (chọn 1 trong 3 ý):</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Hdẫn HS dùng ê-ke để ktra cac góc của từng hình tam giác trg bài. - GV: Nxét, có thể y/c HS nêu tên từng góc trg mỗi hình tam giác & nói rõ đó là góc gì? <p>3) Cảng cố-dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: T/kết giờ học, dặn : \triangle Làm BT & CBB sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng ê-ke để ktra góc & b/c kqua. - HS: Trả lời theo y/c.
--	--

Tổ trưởng kiểm tra

Ban giám hiệu

(Duyệt)

Tuần 9 – Tiết 1

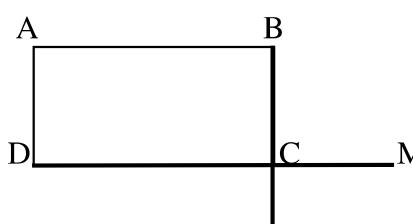
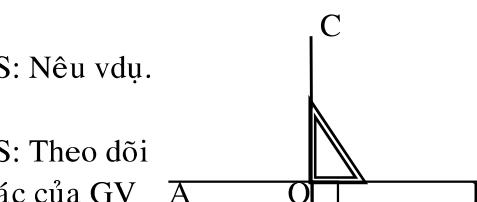
Toán : HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Có biểu tượng về hai đường thẳng vuông góc.
- Kiểm tra được 2 đường thẳng vuông góc với nhau bằng ê-ke.

II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC: - Thước thẳng, ê-ke (dùng cho GV & HS).

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 3HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét & cho điểm HS. <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: - Trg giờ học này ta sẽ làm quen với 2 đường thẳng vuông góc.</p> <p>3)</p> <p>*Ghiệu hai đường thẳng vuông góc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Vẽ hình chữ nhật ABCD & hỏi: + Đọc tên hình & cho biết đây là hình gì? + Các góc của hình chữ nhật ABCD là góc gì? - GV: Th/h thao tác & nêu: Kéo dài cạnh DC thành đường thẳng DM, kéo dài cạnh BC thành đường thẳng BN. Khi đó ta đc 2 đường thẳng DM & BN vuông góc với nhau tại điểm C. <p>- Hỏi: + Góc BCD, Góc DCN, góc NCM, góc BCM là góc gì? + Các góc này có chung đỉnh nào?</p> <p>- GV: Như vậy 2 đường thẳng BN & DM vuông góc với nhau tạo thành 4 góc vuông có chung đỉnh C.</p> <p>- GV: Y/c HS qsát các ĐDHT, lớp học để tìm 2 đường thẳng vuông góc có trg th/tê cuộc sống.</p> <p>- GV: Hdẫn HS vẽ 2 đường thẳng vuông góc với nhau (vừa nêu vừa th/h thao tác): Ta dùng ê-ke để vẽ 2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. <p>- HS: Nhắc lại đề bài.</p> <p>- Hình chữ nhật ABCD.</p> <p>- Các góc A, B, C, D đều là góc vuông.</p> <p>- HS: Theo dõi thao tác của HS.</p>  <p>- Là góc vuông.</p> <p>- Chung đỉnh C..</p> <p>- HS: Nêu vđụ.</p> <p>- HS: Theo dõi th/tác của GV</p> 

<p>đường thẳng vuông góc với nhau, chẳng hạn muốn vẽ đường thẳng AB vuông góc với đường thẳng CD, ta làm như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vẽ đường thẳng AB. + Đặt 1 cạnh ê-ke trùng với đường thẳng AB. Vẽ đường thẳng CD dọc theo cạnh kia của ê-ke. Ta có 2 đường thẳng AB & CD vuông góc với nhau. - GV: Y/c HS th/hành vẽ đường thẳng MN vuông góc với đường thẳng PQ tại O. <p>*Hỗn thực hành:</p> <p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Vẽ 2 hình a, b như BT SGK. - Hỏi: BT y/c cta làm gì? - GV: Y/c HS cả lớp cùng ktra. - GV: Y/c HS nêu ý kiến: Vì sao em nói 2 đường thẳng HI & KI vuông góc với nhau? <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS đọc đê. - GV: Vẽ hình chữ nhật ABCD, sau đó y/c HS suy nghĩ & ghi tên các cặp cạnh vuông góc với nhau có trong hình chữ nhật ABCD vào VBT. - GV: Nxét & kluận về đáp án đúng. <p>Bài 3a:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS đọc đê bài, sau đó tự làm. - GV: Y/c HS tr/b bài làm trc lớp. - GV: Nxét & cho điểm HS. <p>4) Cứng cố-dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: T/kết giờ học, dặn : \triangle Làm BT & CBB sau. 	<p>& làm theo:</p> <p style="text-align: center;">D</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ vào nháp. - Dùng ê-ke đểktra 2 đường thẳng có vuông góc với nhau khg. - HS: Dùng ê-ke để ktra hvẽ SGK, 1HS lên bảng ktra hvẽ của GV. - HS: Nêu ý kiến. - HS: đọc. - HS: Viết tên các cặp cạnh vuông góc với nhau vào VBT. - 1-2HS đọc, cả lớp theo dõi, nxét. - HS: Dùng ê-ke ktra hình trg SGK & ghi tên các cặp cạnh vg góc với nhau vào vở. - 1HS đọc, cả lớp theo dõi, nxét. - 2HS ngồi cạnh đổi chỗ vở ktra nhau. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS: Nxét bài của bạn & ktra lại bài của mình theo nxét của GV.
--	---

Tuần 9 – Tiết 2

Toán : HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Có biểu tượng vẽ hai đường thẳng song song.
- Nhận biết được 2 đường thẳng song song.

II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC: - Thước thẳng, ê-ke (dùng cho GV & HS).

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
-------------------------	------------------------

<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 3HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét & cho điểm HS. <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: - Trg giờ học này ta sẽ làm quen với 2 đường thẳng song song.</p> <p>*Ghiệu hai đường thẳng vuông góc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Vẽ h.chữ nhật ABCD & y/c HS nêu tên hình. - Dùng phấn màu kéo dài 2 cạnh đối diện AB & CD về 2 phía & nêu: Kéo dài 2 cạnh AB & CD của h.chữ nhật ABCD ta đc 2 đường thẳng song song với nhau. - GV: Y/c HS tự kéo dài 2 cạnh đối còn lại của h.chữ nhật AD & BC & hỏi: Kéo dài 2 cạnh AC & BD của h.chữ nhật ABCD ta có đc 2 đường thẳng song song khg? - Nêu: 2 đường thẳng song song với nhau khg bao giờ cắt nhau. - GV: Y/c HS qsát ĐDHT, lớp học để tìm 2 đường thẳng song song có trg th/tế cuộc sống. - GV: Y/c HS vẽ 2 đường thẳng song song (chú ý ước lượng để 2 đường thẳng khg cắt nhau là đc). 	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. - HS: Nhắc lại đề bài. - Hình chữ nhật ABCD. - HS: Theo dõi thao tác của GV: <ul style="list-style-type: none"> - HS: Kéo dài 2 cạnh AD & BC của h.chữ nhật ABCD ta cũng đc 2 đường thẳng song song. - HS: Nghe giảng. - HS: Tìm & nêu vdụ. - HS: Vẽ 2 đường thẳng song song vào nháp.
<p>*Hdẫn thực hành:</p> <p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Vẽ h.chữ nhật ABCD, sau đó chỉ cho HS thấy rõ 2 cạnh AB & CD là 1 cặp cạnh song song với nhau. - GV: Ngoài cặp cạnh AB & CD trg h.chữ nhật ABCD còn cặp cạnh nào song song với nhau? - GV: Vẽ h.vuông MNPQ & y/c HS tìm các cặp cạnh song song với nhau có trg hình. <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS đọc đề. - GV: Y/c qsát hình thật kĩ & nêu các cạnh song song với cạnh BE. - GV: Có thể y/c HS tìm các cạnh song song với AB (hoặc BC, EG, ED). <p>Bài 3a:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS qsát kĩ các hình trg bài. - Hỏi: + Trg hình MNPQ có các cặp cạnh nào song song với nhau? + Trg hình EDIHG có các cặp cạnh nào song song với nhau? - GV: Có thể vẽ thêm một số hình khác & y/c HS tìm các cặp cạnh song song với nhau. <p>3) Củng cố-dặn dò:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Qsát hình. - Cạnh AD // BC. - Cạnh MN//QP, MQ//NP. - 1HS đọc. - Các cạnh song song với BE là AG, CD. - HS: Đọc đề & qsát hình. - MN//QP. - DI//HG, DG//IH. - HS: Trả lời theo y/c. - 2HS lên bảng vẽ.

<ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 2HS lên vẽ 2 đường thẳng song song. - Hỏi: 2 đường thẳng song song với nhau có cắt nhau khg? <p>GV: T/kết giờ học, dặn : \triangle Làm BT & CBB sau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khg bao giờ cắt nhau.
--	---

Tuần 9 – Tiết 3

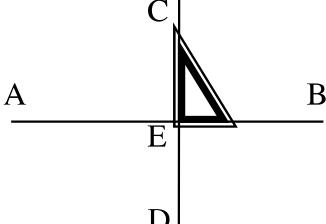
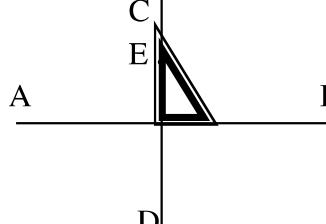
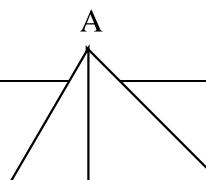
Toán : VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Vẽ được 2 đường thẳng đi qua 1 điểm cho trước & vuông góc với 1 đường thẳng cho trước.
- Vẽ được đường cao của 1 hình tam giác.

II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC: - Thước thẳng, ê-ke (dùng cho GV & HS).

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 3HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét & cho điểm HS. <p>2) Day-học bài mới:</p> <p>*Hdẫn vẽ đường thẳng đi qua 1 điểm & vg góc với 1 đường thẳng cho trc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Th/hành các bc vẽ như SGK, vừa thao tác vừa nêu cách vẽ cho cả lớp qsát: <ul style="list-style-type: none"> + Đặt 1 cạnh góc vg của ê-ke = với đng thẳng AB. + Chuyển dịch ê-ke trượt theo đng thẳng AB sao cho cạnh góc vuông thứ hai của ê-ke gặp điểm E. Vạch 1 đng thẳng theo cạnh đó thì dc đng thẳng CD đi qua E & vuông góc với đường thẳng AB. 	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. <p>- HS: Theo dõi th/tác của GV.</p>
 <p>Điểm E nằm trên đường thẳng AB</p>	 <p>Điểm E nằm ngoài thẳng AB</p>
<ul style="list-style-type: none"> - GV: Tổ chức cho HS th/hành vẽ: + Y/c HS vẽ đng thẳng AB bkì. + Lấy điểm E trên đng thẳng AB (hoặc nằm ngoài đng thẳng AB). + Dùng ê-ke để vẽ đng thẳng CD đi qua điểm E & vg góc với AB. - GV: Nxét & giúp đỡ HS vẽ hình. <p>*Hdẫn vẽ đường cao của tam giác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Vẽ tam giác ABC & y/c HS đọc tên tam giác. - Y/c HS vẽ đng thẳng đi qua điểm A & vg góc với cạnh BC của \triangle. - Nếu: Qua đỉnh A của tam giác ABC ta vẽ đg thẳng vg 	<ul style="list-style-type: none"> - 1HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ VBT. <p>- Tam giác ABC.</p> <p>- 1HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ vào nháp.</p>
	

<p>góc với cạnh BC, cắt cạnh BC tại điểm H. Ta gọi đoạn thẳng AH là đng cao của $\triangle ABC$.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc lại: <i>Đường cao của h.tam giác chính là đoạn thẳng đi qua 1 đỉnh & vg góc với cạnh đối diện của đỉnh đó.</i> - Y/c HS vẽ đng cao hạ từ đỉnh B, C của h.tam giác ABC. - Hỏi: 1 h.tam giác có mấy đng cao? <p>*Hdǎn thực hành:</p> <p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS đọc đê sau đó vẽ hình. - GV: Y/c HS cả lớp nxét, sau đó y/c 3HS lên lần lượt nêu cách th/h vẽ đng thẳng AB của mình. - GV: Nxét & cho điểm HS. <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS đọc đê. - Hỏi: Đng cao AH của h.tam giác ABC là đng thẳng đi qua đỉnh nào của h.tam giác ABC, vg góc với cạnh nào của h.tam giác ABC? - Y/c HS vẽ hình, sau đó nxét, y/c 3HS lên nêu cách th/h vẽ đng cao AH của mình. - GV: Nxét & cho điểm HS. <p>3) Cứng cő-dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: T/kết giờ học, dặn : \triangle Làm BT & CBB sau. 	<p style="text-align: center;">B H C</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS: Dùng ê-ke để vẽ. - 1 h.tam giác có 3 đường cao. - 3HS lên bảng vẽ, mỗi em vẽ 1 tr/h, cả lớp vẽ vào vở. - HS: Nêu tg tự như hdǎn ở trên. - Đng cao AH là đng thẳng đi qua đỉnh A của $\triangle ABC$ & vg góc với cạnh BC của $\triangle ABC$ tại điểm H. - 3HS lên bảng vẽ hình, mỗi HS vẽ đng cao AH trg 1 tr/h, cả lớp vẽ vào SGK. - HS: Nếu các bc vẽ như ở phần hdǎn. - HS: Vẽ hình vào VBT.
---	--

Tuần 9 – Tiết 4

Toán : VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Biết vẽ đường thẳng đi qua 1 điểm & song song với 1 đường thẳng cho trước (bằng thước kẻ và ê-ke)

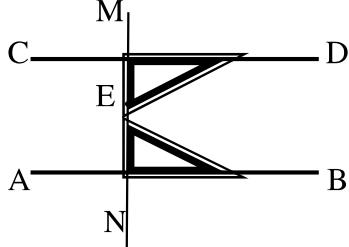
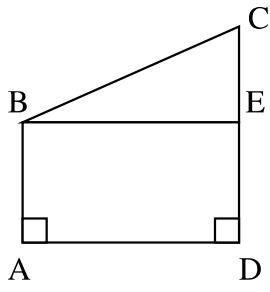
II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC:

- Thước thẳng, ê-ke (dùng cho GV & HS).

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN

HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH

<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 2HS lên: HS1 vẽ 2 đường thẳng AB & CD và góc với nhau tại E; HS2 vẽ hình tam giác ABC, sau đó vẽ đường cao AH của tam giác này. - GV: Sửa bài, xét & cho điểm HS. <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: - Trong giờ học này ta sẽ cùng th/hành vẽ 2 đường thẳng song song với nhau.</p> <p>*Hỗn vẽ đường thẳng đi qua 1 điểm & song song với 1 đường thẳng cho trc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Th/hành các bút vẽ như SGK, vừa thao tác vừa nêu cách vẽ cho cả lớp quát & th/hành: + Vẽ đường thẳng AB & lấy 1 điểm E nằm ngoài AB. + Vẽ đường thẳng MN đi qua E & và góc với đường thẳng AB. + Vẽ đường thẳng đi qua E & và góc với đường thẳng MN vừa vẽ. - GV nêu: Gọi tên đường thẳng vừa vẽ là CD, có xét gì về đường thẳng CD & đường thẳng AB? - Kluận: Vậy cta đã vẽ được đường thẳng đi qua điểm E & song song với đường thẳng AB cho trc. - GV: Nêu lại trình tự các bút vẽ đường thẳng CD đi qua E & và góc với đường thẳng AB như SGK. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn. - HS: Nhắc lại đề bài. - HS: Theo dõi th/tác của GV. - 1HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ vào nháp. - 1HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ vào nháp. - 2 đường thẳng này song song với nhau. 
<p>*Hỗn thực hành:</p> <p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV vẽ đường thẳng CD & lấy 1 điểm M nằm ngoài CD như hvẽ BT1. - Hỏi: + BT y/c cta làm gì? + Để vẽ được đường thẳng AB đi qua M & song song với đường thẳng CD, trc tiên ta vẽ gì? <p>GV: Y/c HS th/hành vẽ vừa nêu, đặt tên cho đường thẳng đi qua M & và góc với đường thẳng CD là đường thẳng MN.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Sau khi vẽ được đường thẳng MN, ta tiếp tục vẽ gì - GV: Y/c HS vẽ hình. - Hỏi: Đường thẳng vừa vẽ ntn so với đường thẳng CD? - Vậy đó chính là đường thẳng AB cần vẽ. <p>Bài 3: - GV: Y/c HS đọc đề bài, sau đó tự vẽ hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS nêu cách vẽ đường thẳng đi qua B ống song với AD. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Nêu y/c. - Vẽ đường thẳng đi qua M & và góc với đường thẳng CD. - 1HS lên vẽ, cả lớp vẽ hình vào VBT. - Vẽ đường thẳng đi qua điểm M & và góc với đường thẳng MN. - HS tiếp tục vẽ hình. - Đường thẳng này song song với CD. - 1HS đọc đề. - HS: Vẽ theo hỗn của GV. - 1HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ vào VBT.  <p>- Vẽ đường thẳng đi qua B, và góc với AB,</p>

<p>- Hỏi: Tại sao chỉ cần vẽ đng thẳng đi qua B & vg góc với BA thì đng thẳng này sẽ song song với AD?</p> <p>+ Góc đỉnh E của hình tứ giác BEDA có là góc vg hay khg?</p> <p>- GV hỏi: + Hình tứ giác BEDA là hình gì? Vì sao?</p> <p>+ Kể tên các cặp cạnh sg sg với nhau có trg hvẽ?</p> <p>+ Kể tên các cặp cạnh vg góc với nhau có trg hvẽ?</p> <p>- GV: Nxét & cho điểm HS.</p> <p>3) Cung cõ-dăń dò:</p> <p>- GV: T/kết giờ học, dăń : \triangle Làm BT & CBB sau.</p>	<p>đng thẳng này song song với AD.</p> <p>- Vì theo hvẽ ta đã có BA vg góc với AD.</p> <p>- Là góc vg.</p> <p>- Là h.chữ nhật vì có 4 góc ở đỉnh là góc vg.</p> <p>- AB//DC, BE//AD.</p> <p>- BA vg góc với AD, AD vg góc với DC, DC vg góc với EB, EB vg góc với BA.</p>
---	---

Tuần 9 – Tiết 5

Đoán

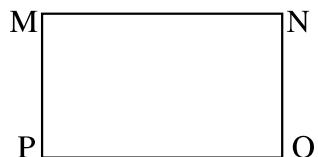
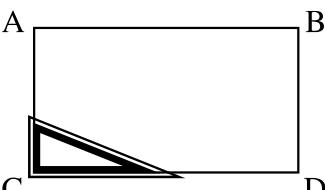
THỰC HÀNH VẼ HÌNH CHỮ NHẬT ; THỰC HÀNH VẼ HÌNH VUÔNG.

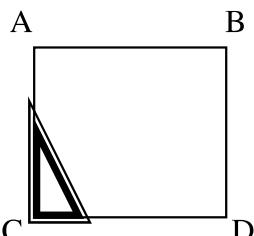
I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Vẽ được hình chữ nhật, hình vuông (bằng thước kẻ & ê-ke).

II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC: - Thước thẳng, ê-ke (dùng cho GV & HS).

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 2HS lên: HS1 vẽ 2 đng thẳng CD đi qua điểm E & sg sg với đng thẳng AB cho trc; HS2 vẽ đng thẳng đi qua đỉnh A của hình tam giác ABC & sg sg với cạnh BC. - GV: Sửa bài, nxét & cho điểm HS. <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: - Trg giờ học này ta sẽ cùng th/hành vẽ hình chữ nhật.</p> <p>*Hđán vẽ hình chữ nhật theo độ dài các cạnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi HS lên vẽ hình chữ nhật MNPQ. <p>- Hỏi: + Các góc ở đỉnh của hình chữ nhật MNPQ có là góc vg khg?</p> <p>+ Hãy nêu các cặp cạnh sg sg với nhau có trg hình chữ nhật MNPQ.</p> <p>- GV: Dựa vào đặc điểm chung của hình chữ nhật, ta sẽ th/hành vẽ hình chữ nhật theo độ dài các cạnh cho trc.</p> <p>- Nêu vdụ: Vẽ hình chữ nhật ABCD có chiều dài 4cm & chiều rộng 2cm.</p> <p>- GV: Y/c HS vẽ từng bc như SGK:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vẽ đoạn thẳng CD có chiều dài 4cm (GV vẽ đoạn thẳng CD dài 40cm). + Vẽ đng thẳng vg góc với DC tại D, trên đng thẳng đó lấy đoạn thẳng DA=2cm. + Vẽ đng thẳng vg góc với DC tại C, trên đng thẳng 	<ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. <p>- HS: Nhắc lại đđ bài.</p>  <ul style="list-style-type: none"> - Đều là góc vg. - MN//QP; MQ//PN. <p>- HS: Vẽ vào nháp</p> 

<p>đó lấy $CB=2\text{cm}$.</p> <p>+ Nối A với B ta đc hình chữ nhật ABCD.</p> <p>*Hdẫn vẽ hình vg theo độ dài cạnh cho trc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: + Hình vg có các cạnh ntn với nhau? - + Các góc ở đỉnh hình vg là góc gì? - GV nêu: Ta sẽ dựa vào các đặc điểm trên để vẽ hình vg có độ dài cạnh cho trc. - GV nêu ví dụ: Vẽ hình vg có cạnh dài 3cm. - GVhdẫn HS th/h từng bc vẽ như SGK: <ul style="list-style-type: none"> + Vẽ đoạn thẳng $DC=3\text{cm}$. + Vẽ đng thẳng vg góc với DC tại D & C. Trên mỗi đng thẳng vg góc đó lấy đoạn thẳng $DA=3\text{cm}$, $CB=3\text{cm}$. + Nối A với B ta đc hình vg ABCD. <p>*Hdẫn thực hành:</p> <p>Bài 1a:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS đọc đề toán. - GV: Y/c HS tự vẽ hình chữ nhật có chiều rộng 3cm, chiều dài 5cm, rồi đặt tên cho hình chữ nhật. - GV: Y/c HS nêu cách vẽ của mình. - GV: Y/c HS tính chu vi của hình chữ nhật. - GV: Nxét. <p>Bài 2a:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS tự vẽ hình, rồi dùng thước có vạch chia độ dài 2 đng chéo của hình chữ nhật & kluận: <i>Hình chữ nhật có 2 đng chéo bằng nhau.</i> <p>Bài 1a:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS đọc đề toán, sau đó tự vẽ hình vg có độ dài cạnh là 4cm, sau đó tính chu vi & diện tích của hình. - GV: Y/c HS nêu rõ từng bc vẽ của mình. <p>Bài 2a:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS qsát hình chữ nhật rồi vẽ vào VBT, hdẫn HS đếm số ô vg trg hình mẫu, sau đó dựa vào các ô vg của vở ô li để vẽ hình. _ GV: Hdẫn HS x/đ tâm hình tròn bằng cách vẽ 2 đng chéo của hình vg (to hoặc nhỏ), giao của 2 đng chéo chính là tâm của hình tròn. <p>3) Cung cố-dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: T/kết giờ học, dặn: \triangle Làm BT & CBB sau. 	<p>- HS: Theo dõi th/tác của GV.</p> <p>- Hình vg có các cạnh bằng nhau.</p> <p>- Là các góc vg.</p> <p>- HS: Vẽ hình vg ABCD theo từng bc hdẫn của GV.</p>  <p>- HS: Làm vào VBT.</p> <p>- 1HS đọc trc lớp.</p> <p>- HS: Vẽ vào VBT.</p> <p>- HS: Nêu như phần bài học SGK.</p> <p>- Chu vi hình chữ nhật là : $(5 + 3) \times 2 = 16 (\text{cm})$</p> <p>- HS: Làm bài cá nhân.</p> <p>- 1HS nêu trc lớp, cả lớp theo dõi & nxét.</p> <p>- HS: Vẽ vào VBT, sau đó đổi chéo vở ktra nhau.</p> <p>- HS: tự vẽ hình vg ABCD vào VBT, sau đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dùng thước thẳng có vạch chia xen-ti-mét để đo độ dài 2 đng chéo. + Dùng ê-ke để ktra các góc tạo bởi 2 đng chéo. - 2 đường chéo của hình vuông ABCD bằng nhau & vuông góc với nhau.
--	--

Tổ trưởng kiểm tra

Ban giám hiệu

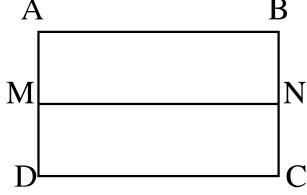
(Duyệt)

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Nhận biết được góc tù, góc nhọn, góc bẹt, góc vuông, đường cao của hình tam giác.
- Vẽ được hình chữ nhật, hình vuông.

II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC: - Thước thẳng có chia vạch xen-ti-mét, ê-ke (cho GV & HS).**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 2HS lên: Y/c vẽ hình vg ABCD có độ dài cạnh 7dm, tính chu vi & diện tích hình vg này. - GV: Sửa bài, nxét & cho điểm HS. <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: - Trg giờ học này các em sẽ dc củng cố các kthức về hình học đã học.</p> <p>*Hđán luyện tập:</p> <p>Bài 1: - GV: Vẽ lên bảng 2 hình a, b trg BT, y/c ghi tên các góc vg, góc nhọn, góc tù, góc bẹt có trg mỗi hình.</p> <p>- GV: Có thể hỏi thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + So với góc vg thì góc nhọn bé hơn hay lớn hơn? Góc tù bé hơn hay lớn hơn? + 1 góc bẹt bằng mấy góc vg? 	<ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. <p>- HS: Nhắc lại đê bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên bảng làm bài, cả lớp làm VBT. - HS: Nêu các góc theo y/c.
<p>Bài 2: - GV: Y/c HS qsát hvẽ & nêu tên đng cao của hình tam giác ABC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: Vì sao AB đc gọi là đng cao của hình tam giác ABC? - Hỏi tg tự với đng cao CB. - GV kluận: Trg h.tam giác có 1 góc vg thì 2 cạnh của góc vg chính là đng cao của hình tam giác. - Hỏi: Vì sao AH khg phải là đng cao của hình tam giác ABC? <p>Bài 3: - GV: Y/c HS tự vẽ hình vg ABCD có cạnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Góc nhọn bé hơn góc vg, góc tù lớn hơn góc vg. - 1 góc bẹt bằng 2 góc vg. - Đng cao của tam giác ABC là AB & BC. <p>- Vì đng thẳng AB là đng thẳng hạ từ đỉnh A của tam giác & vg góc với cạnh BC của tam giác.</p> <p>- HS: Trả lời tg tự.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì đng thẳng AH hạ từ đỉnh A nhg khg vg góc với cạnh BC của tam giác ABC. - HS vẽ vào VBT, 1HS lên bảng vẽ &

<p>dài cạnh 3cm, sau đó gọi 1HS nêu rõ từng bc vẽ của mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: nxét & cho điểm HS. <p>Bài 4a: - GV: Y/c HS tự vẽ hình chữ nhật ABCD có chiều dài AB=6cm, chiều rộng AD=4cm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS nêu rõ các bc vẽ của mình. - GV: Y/c HS nêu cách x/đ trung điểm M của cạnh AD.  <ul style="list-style-type: none"> - GV: + Y/c HS tự x/đ trung điểm N của cạnh BC, sau đó nối M với N. - GV: + Hãy nêu tên các hình chữ nhật có trg hvẽ. + Nêu tên các cạnh sg sg với AB. <p>3) Củng cố-dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: T/kết giờ học, dặn : \triangle Làm BT & CBB sau. 	<p>nêu các bc vẽ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1HS lên bảng vẽ (theo k/thước 6dm & 4dm), cả lớp vẽ vào VBT. - HS: Nêu theo y/c. - 1HS nêu trc lớp, cả lớp theo dõi, nxét: Dùng thước thẳng có vạch chia xen-ti-mét, đặt vạch số 0 của thước trùng với điểm A, thước trùng với cạnh AD, vì AD=4cm nên AM=2cm. Tìm vạch số 2 trên thước & chấm 1 điểm. Điểm đó chính là trung điểm M của cạnh AD. - HS: Th/h theo y/c. - Là ABCD, ABNM, MNCD. - Là MN, DC.
--	--

Tuần 10 – Tiết 2

Toán : LUYỆN TẬP CHUNG

I.MỤC TIÊU: Giúp HS củng cố về:

- Thực hiện được cộng, trừ các số có đến 6 chữ số.
- Nhận biết được 2 đường thẳng vuông góc.
- Giải được bài toán tìm hai số khi biết tổng & hiệu của hai số đó có liên quan đến hình chữ nhật.

II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC: - Thước thẳng có chia vạch xen-ti-mét, ê-ke (cho GV & HS).

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 3HS lên y/c làm 3 BT hdẫn ltập thêm, đồng thời ktra VBT của HS khác. - GV: Sửa bài, nxét & cho điểm HS. <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>Bài 1a: - GV: Gọi HS nêu y/c của BT, sau đó tự làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS nxét bài làm của bạn trên bảng vẽ cách đặt tính & th/h phép tính. - GV: nxét & cho điểm HS. <p>Bài 2a: - GV hỏi: BT y/c cta làm gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để tính gtrị b/thức a, b trg bài bằng cách thuận tiện cta áp dụng t/chất nào? - GV: Nêu y/c HS nêu quy tắc vè t/chất g/hoán, k/hợp của phép cộng. - GV: Y/c HS làm bài. - GV: Nxét & cho điểm HS. <p>Bài 3b: - GV: Y/c HS đọc đề bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS qsát hình trg SGK. 	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. <ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên bảng làm bài, cả lớp làm VBT. - 2HS nxét. <ul style="list-style-type: none"> - Nêu y/c của BT. - Ta áp dụng t/chất g/hoán & k/hợp của phép cộng. - 2HS nêu. <ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. <ul style="list-style-type: none"> - HS: Đọc thầm. - HS qsát hình.

<p>- Hỏi: + Hình vg ABCD & hình vg BIHC có chung cạnh nào?</p> <p>+ Vậy độ dài cạnh của hình vg BIHC là bn?</p> <p>- GV: Y/c HS vẽ tiếp hình vg BIHC.</p> <p>- Hỏi: + Cạnh DH vg góc với ~ cạnh nào?</p> <p>+ Tính chu vi hình chữ nhật AIHD.</p> <p>Bài 4: - GV: Gọi 1HS đọc đê trc lớp.</p> <p>- Hỏi: + Muốn tính dc diện tích hình chữ nhật ta phải biết dc gì?</p> <p>+ Bài toán cho biết gì?</p> <p>+ Biết dc nửa chu vi của hình chữ nhật tức là biết dc gì?</p> <p>+ Vậy có tính dc chiều dài & chiều rộng khg? Dựa vào bài toán nào để tính?</p> <p>- GV: Y/c HS làm bài.</p> <p>- GV: Nxét & cho điểm HS.</p> <p>3) Củng cố-dặn dò:</p> <p>- GV: T/kết giờ học, dặn : \triangle Làm BT & CBB sau.</p>	<p>- Chung cạnh BC.</p> <p>- Là 3cm.</p> <p>- HS vẽ hình, sau đó nêu các bc vẽ.</p> <p>- Cạnh DH vg góc với AD, BC, IH.</p> <p>- HS: Làm vào VBT.</p> <p>- 1HS đọc đê.</p> <p>- Biết dc số đo chiều rộng & chiều dài của hình chữ nhật.</p> <p>- Cho biết nửa chu vi là 16cm & chiều dài hơn chiều rộng 4cm.</p> <p>- Biết dc tổng của số đo chiều dài & chiều rộng.</p> <p>- Dựa vào bài toán tìm hai số khi biết tổng & hiệu của hai số đó ta tính dc chiều dài & chiều rộng của hình chữ nhật.</p> <p>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p>
---	--

Tuần 10 – Tiết 3

Kiểm Tra Định Kì Giữa Học Kì I

Tuần 10 – Tiết 4

Tuần : NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Biết cách thực hiện phép nhân số có nhiều chữ số với số có 1 chữ số (tích có không quá 6 chữ số).

II.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
-------------------------	------------------------

<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 3HS lên y/c làm BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét & cho điểm HS. <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: Bài học hôm nay sẽ giúp các em biết cách th/h phép nhân có 6 chữ số với số có 1 chữ số.</p> <p>*Hdân th/h phép nhân số có 6 chữ số với số có 1 chữ số:</p> <p>a. <i>Phép nhân 241324 x 2 (phép nhân khg nhớ):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Viết phép nhân: 241324 x 2. - GV: Y/c HS dựa vào cách đặt tính phép nhân số có 6 chữ số với số có 1 chữ số, hãy đặt tính để th/h phép nhân này. - Hỏi: Khi th/h phép nhân này, ta phải th/h tính bắt đầu từ đâu? - GV: Y/c HS suy nghĩ để th/h phép tính trên, sau đó nêu cách tính. - GV: Nhắc lại cho HS ghi nhớ (như nd SGK). <p>b. <i>Phép nhân 136204 x 4 (phép nhân có nhớ):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Ghi 136204 x 4 . - Y/c HS: đặt tính & th/h tính, nhắc HS chú ý đây là phép nhân có nhớ. Khi th/h các phép nhân có nhớ ta cần thêm số nhớ vào kqua của lần nhân liên sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. - HS: Nhắc lại đề bài. - HS đọc: 241324 x 2. - 2HS lên bảng đặt tính, cả lớp đặt tính vào nháp, sau đó nxét cách đặt tính trên bảng của bạn. - Bđầu tính từ hàng đvị, đến hàng chục, hàng trăm, ... (tính từ phải sang trái): <ul style="list-style-type: none"> 241324 - 2 nhân 4 bằng 8, viết 8. x 2 - 2 nhân 2 bằng 4, viết 4. 482648 - 2 nhân 3 bằng 6, viết 6... Vậy: 241324 x 2 = 482648 - Đọc 136204 x 4 - 1HS th/h trên bảng, cả lớp làm nháp.
$ \begin{array}{r} 136204 \\ \times \quad 4 \\ \hline 544816 \end{array} $	<ul style="list-style-type: none"> - 4 nhân 4 bằng 16, viết 6 nhớ 1. - 4 nhân 0 bằng 0, thêm 1 bằng 1, viết 1. - 4 nhân 2 bằng 8, viết 8. - 4 nhân 6 bằng 24, viết 4 nhớ 2. - 4 nhân 3 bằng 12, thêm 2 bằng 14, viết 4 nhớ 1. - 4 nhân 1 bằng 4, thêm 1 bằng 5, viết 5. <p style="text-align: center;">*Vậy: 136204 x 4 = 544816</p>
<p>- GV: Nêu kqua nhân đúng, sau đó y/c HS nêu lại từng bc th/h phép nhân của mình.</p> <p>*Luyện tập-thực hành:</p> <p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/c HS tự làm bài. - GV: Y/c lần lượt từng HS trên bảng tr/b cách tính của mình. - GV: Nxét & cho điểm HS. 	<p>- HS: nêu các bc như trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS: Tr/b trc lớp.
<p>Bài 3a:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: nêu y/c của BT & cho HS tự làm. - GV: Nhắc HS th/h các phép tính theo đúng thứ tự. <p>3) Củng cố-dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: T/kết giờ học, dặn : \triangle Làm BT & CBB sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.